

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 30/TC-CĐTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 1993

THÔNG TƯ
CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Hướng dẫn chế độ bảo toàn và phát triển vốn đối với

các Ngân hàng thương mại quốc doanh, Ngân hàng đầu tư và phát triển

Thi hành Chỉ thị số 138/CT ngày 25-4-1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc mở rộng diện trao quyền sử dụng, trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn sản xuất - kinh doanh cho đơn vị cơ sở kinh tế quốc doanh;

Thi hành Quyết định số 332-HĐBT ngày 23-10-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh đối với các doanh nghiệp Nhà nước.

Sau khi trao đổi ý kiến với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, xuất phát từ tính chất, đặc điểm hoạt động của các Ngân hàng thương mại quốc doanh, Ngân hàng đầu tư và phát triển (gọi tắt là các Ngân hàng quốc doanh), Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ bảo toàn và phát triển vốn đối với các Ngân hàng quốc doanh như sau:

I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi, trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh của Ngân hàng quốc doanh được thực hiện theo đúng quy định tại các Thông tư số 31/TC-CN ngày 27-5-1991 và số 82 TC/CN ngày 31-12-1991 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh đối với các doanh nghiệp Nhà nước.
2. Nội dung chế độ bảo toàn và phát triển vốn cố định Nhà nước giao cho Ngân hàng quốc doanh sử dụng được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 82-TC/CN ngày 31-12-1991 của Bộ Tài chính. Riêng vốn hoạt động (là vốn Nhà nước giao không bao gồm vốn cố định), các Ngân hàng quốc doanh thực hiện chế độ bảo toàn và phát triển theo hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Hàng năm, cùng với việc kiểm tra, xét duyệt quyết toán tài chính, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước kiểm tra việc thực hiện chế độ bảo toàn, phát triển vốn của Ngân hàng quốc doanh, xác định số vốn phải bảo toàn đến 31-12 năm báo cáo và giao trách nhiệm bảo toàn vốn cho năm tiếp theo.

II- CHẾ ĐỘ BẢO TOÀN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN HOẠT ĐỘNG

A. NGUYÊN TẮC CHUNG:

1. Vốn hoạt động phải bảo toàn và phát triển của Ngân hàng quốc doanh gồm các loại vốn được hình thành từ các nguồn:

a) Vốn ngân sách Nhà nước cấp và vốn có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước (gọi chung là vốn ngân sách Nhà nước cấp), gồm:

Vốn điều lệ được cấp.

Các khoản vốn được cấp khác.

b) Vốn tự bổ sung của Ngân hàng quốc doanh gồm:

Quỹ phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Quỹ dự trữ đề phòng rủi ro.

c) Vốn Nhà nước chuyển giao cho Ngân hàng quốc doanh để cho vay theo đối tượng và lãi suất chỉ định của Nhà nước, (gọi tắt là vốn Nhà nước để cho vay chỉ định).

2. Vốn hoạt động Nhà nước giao cho Ngân hàng quốc doanh bảo toàn theo nguyên tắc:

a) Đối với vốn ngân sách Nhà nước cấp và vốn tự bổ sung: các Ngân hàng quốc doanh phải bảo toàn theo chỉ số trượt giá thị trường.

b) Đối với vốn Nhà nước để cho vay chỉ định Ngân hàng quốc doanh phải bảo toàn theo chênh lệch giữa lãi suất chỉ định và phí định mức hoạt động Ngân hàng (bao gồm phí, thuế, lãi) theo thiết kế lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

3. Nguồn để bảo toàn vốn của Ngân hàng quốc doanh là quỹ bảo toàn vốn trích được hàng năm được cộng vào vốn gốc đã giao để xác định số vốn phải bảo toàn trong năm kế tiếp.

B. PHƯƠNG PHÁP TRÍCH QUỸ BẢO TOÀN VỐN HOẠT ĐỘNG

1. Định kỳ hàng tháng, Ngân hàng quốc doanh căn cứ vào số vốn phải bảo toàn đầu năm và biến động hợp lệ của số vốn này đến ngày cuối tháng để tạm trích quỹ bảo toàn vốn cho từng loại vốn như sau:

a) Đối với vốn ngân sách Nhà nước cấp và vốn tự bổ sung:

Đến ngày cuối tháng, trước khi lập báo cáo tài chính tháng, Ngân hàng quốc doanh ghi chi phí nghiệp vụ để hình thành quỹ bảo toàn vốn theo cách tính khác.

$$\begin{array}{l} \text{Quỹ bảo toàn vốn} \\ \text{trích định kỳ hàng} \\ \text{tháng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số vốn N S N N cấp} \\ \text{và vốn tự bổ sung có} \\ \text{đến ngày cuối tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chỉ số giá thị} \\ \text{trường công bố cho} \\ \text{tháng} \end{array}$$

Việc hạch toán chi phí để trích quỹ bảo toàn vốn từng tháng chỉ được thực hiện trong trường hợp không làm kết quả tài chính của tháng đó bị lỗ.

Đến cuối năm, trước thời điểm quyết toán, Ngân hàng quốc doanh căn cứ vào chỉ số trượt giá thị trường bình quân năm được Tổng cục Thống kê công bố và số vốn Nhà nước giao phải bảo toàn trong năm để xác định quỹ bảo toàn vốn phải có năm báo cáo.

$$\begin{array}{l} \text{Quỹ bảo toàn vốn} \\ \text{phải có năm báo cáo} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Vốn Nhà nước giao} \\ \text{phải bảo toàn năm báo} \\ \text{cáo} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chỉ số trượt giá} \\ \text{bình quân năm} \end{array}$$

Số vốn Nhà nước giao phải bảo toàn năm báo cáo là số vốn giao đầu năm và biến động hợp lệ của số vốn nay trong năm.

Quỹ bảo toàn vốn phải có được xác định nêu trên là số liệu làm căn cứ để điều chỉnh quỹ bảo toàn vốn đã hình thành trong năm (quỹ bảo toàn vốn đã trích được hàng tháng).

Nếu quỹ bảo toàn vốn đã có lớn hơn quỹ bảo toàn vốn phải có thì Ngân hàng quốc doanh phải chi giảm chi phí phần đã trích vượt. Ngược lại, nếu quỹ bảo toàn vốn đã có nhỏ hơn quỹ bảo toàn vốn phải có, Ngân hàng quốc doanh phải trích thêm vào chi phí để có quỹ bảo toàn vốn.

b) Đối với quỹ Nhà nước, chuyển giao cho Ngân hàng quốc doanh để cho vay theo lãi suất chỉ định:

Hàng tháng, vào ngày cuối tháng, Ngân hàng quốc doanh căn cứ vào số vốn Nhà nước đã chuyển giao đến cuối tháng và phần chênh lệch lãi suất cho vay chỉ định với phí định mức để